

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 19 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ TƯ
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

I. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Toàn bộ tỉnh Lào Cai với tổng diện tích tự nhiên 6.364,03 km²; 09 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và 07 huyện. Ranh giới: Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Tây giáp tỉnh Lai Châu, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Có tọa độ địa lý từ 21^o40' 56" đến 22^o50' 30" vĩ độ Bắc; 103^o30' 24" đến 104^o38' 21" kinh độ Đông.

II. Quan điểm, mục tiêu, các đột phá phát triển

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch phát triển tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm hướng đến xây dựng, phát triển tỉnh Lào Cai trở thành một cực tăng trưởng, trung tâm kết nối các tỉnh phía Tây Nam Trung Quốc và các nước ASEAN, phù hợp với quan điểm, chủ trương phát triển chung của vùng Trung du miền núi phía Bắc và cả nước.

b) Phát huy tối đa hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để Lào Cai phát triển nhanh, bền vững, bao trùm và toàn diện; Bố trí không gian phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả, bền vững trên cơ sở tập trung phát triển Một (1) trục động lực, Hai (2) cực phát triển, Ba (3) vùng kinh tế, Bốn (4) trụ cột phát triển kinh tế, Năm (5) nhiệm vụ trọng tâm, để khai thông, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế cho sự phát triển chung của tỉnh.

c) Chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, trong đó lấy con người là trung tâm và là nguồn lực phát triển quan trọng nhất, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực quan trọng; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và liên tục tạo ra các lợi thế so sánh mới để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh.

d) Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần và vật chất cho nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo tồn các di tích, di sản lịch sử, văn hóa; khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các tài nguyên thiên nhiên; chủ động thích nghi, ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Chủ động mở rộng các quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội; chủ động tổng kết, đúc rút kinh nghiệm và đề xuất với Trung ương các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới theo hướng "Hòa bình, hợp tác, phát triển".

e) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố tiềm lực, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, trong đó nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng - an ninh là điều kiện tiên quyết, phát triển kinh tế là trọng tâm; là tình hình mẫu trong xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để Lào Cai phát triển nhanh, bền vững và toàn diện trên các trụ cột về kinh tế, xã hội, môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh; nâng cao nhanh và bền vững năng lực cạnh tranh của Tỉnh dựa trên thu hút đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển kinh tế cửa khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo, du lịch, nông nghiệp hàng hóa là động lực; trở thành cực tăng trưởng và trung tâm kết nối giao thương giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc. Đến năm 2030, GRDP/người tỉnh Lào Cai phấn đấu đứng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có GRDP/người cao của cả nước; thu nhập bình quân đầu người đứng trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có thu nhập bình quân đầu người cao trong cả nước; trở thành trung tâm của vùng và cả nước về du lịch, kinh tế cửa khẩu, dịch vụ và công nghiệp chế biến chế tạo. Đến năm 2050, xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của cả nước.

2.2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 phấn đấu đạt trên 10%/năm; cơ cấu kinh tế đến năm 2030: nông, lâm thủy sản 7,7 %; công nghiệp - xây dựng 50,6%; dịch vụ - thương mại 36,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 5,1%; GRDP bình quân đầu người đạt trên 260 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt trên 145 triệu đồng; phấn đấu tự cân đối ngân sách vào năm 2030; giá trị xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu đạt trên 15 tỷ USD; toàn tỉnh có trên 15.000 doanh nghiệp, đảm bảo tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trên 70%; tổng lượng khách du lịch đến địa bàn đạt trên 15 triệu lượt người, đóng góp GRDP của ngành du lịch trong tổng GRDP của tỉnh đạt trên 10%; huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 750 nghìn tỷ đồng.

b) Về xã hội: Đến năm 2030, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì dưới 1%/năm; tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 80%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương đạt 90%; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 50 giường bệnh; số bác sỹ/1 vạn dân đạt 20 bác sỹ; tỷ lệ giảm hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giảm bình quân 2-3%/năm, xuống dưới 7%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt trên 45%; 80% các thiết chế văn hóa trên địa bàn được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, cơ bản đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân.

c) Bảo vệ môi trường: Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng được duy trì trên 60%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại các đô thị đạt 97%, tại khu dân cư nông thôn tập trung đạt 95%; tỷ lệ số khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; 100% chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, tạm trữ và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; tỷ lệ tái chế chất thải rắn sinh hoạt đạt trên 50%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%; dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

d) Về quốc phòng - an ninh: Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện; Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

2.3. Tầm nhìn đến 2050

Đến năm 2050, xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh phát triển, là một trung tâm phát triển của vùng trung du miền núi phía Bắc và cả nước; Trung tâm kết nối quan trọng trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh giữa Trung Quốc, Việt Nam và ASEAN với hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại và tích hợp. Kinh tế Lào Cai phát triển theo hướng chủ đạo là sáng tạo, xanh, sạch là một trong những trung tâm hoạt động văn hóa lớn ở vùng Tây Bắc với các thế mạnh về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của vùng đồng bào các dân tộc; Bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

3. Các định hướng lớn tạo đột phá phát triển

a) Một (1) trục động lực: Trục kinh tế động lực dọc sông Hồng (theo hướng Bắc - Nam, từ Bát Xát, đến Bảo Hà - Bảo Yên và Tân An - Văn Bàn).

b) Hai (2) cực phát triển: Cực “Bắc” bao gồm toàn tuyến biên giới phía Bắc của tỉnh Lào Cai, tiếp giáp với Trung Quốc; Cực Nam bao gồm toàn bộ các huyện Bảo Yên, Văn Bàn, Bảo Thắng và khu vực phía Nam thành phố Lào Cai.

c) Ba (3) vùng kinh tế: Vùng thấp (các huyện Văn Bàn, Bảo Yên); vùng cao (các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, thị xã Sa Pa, phần phía Tây huyện Bát Xát); vùng trung tâm (thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng, phần hạ huyện Bát Xát theo dọc sông Hồng).

d) Bốn (4) trụ cột phát triển kinh tế: Phát triển kinh tế cửa khẩu, dịch vụ; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; phát triển du lịch; phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản.

e) Năm (5) nhiệm vụ trọng tâm: Hoàn thiện thể chế, chính sách; phát triển nguồn nhân lực, nguồn lao động; hoàn thiện kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông và hạ tầng số; nông nghiệp nông thôn và ổn định sắp xếp dân cư; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá con người Lào Cai.

III. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực và kết cấu hạ tầng

1. Kinh tế cửa khẩu, dịch vụ: Phát triển kinh tế cửa khẩu nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hợp tác phát triển dịch vụ kinh tế cửa khẩu, đầu tư, giao lưu văn hóa giữa giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam – Trung Quốc; đưa Lào cai trở thành một trung tâm dịch vụ kinh tế cửa khẩu, đầu tư trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, đóng vai trò quan trọng trong giao thương giữa Việt Nam và các nước ASEAN với Trung Quốc.

2. Du lịch: Phát triển du lịch Lào Cai đạt các tiêu chuẩn quốc tế: Du lịch ASEAN và du lịch bền vững toàn cầu; Xây dựng Lào Cai trở thành điểm đến hấp dẫn, du lịch chất lượng cao, đem lại cho du khách những trải nghiệm đa dạng và độc đáo; phát triển du lịch theo hướng bền vững, có trách nhiệm, toàn diện, cân bằng và thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

3. Nông lâm thủy sản: Phát triển sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực, sản xuất hàng hóa gắn với chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng biến đổi khí hậu; quan tâm phát triển sản phẩm OCOP, phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo chuỗi giá trị, đáp ứng nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng; phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái để nâng cao giá trị gia tăng; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên canh, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Công nghiệp chế biến, chế tạo: Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu gắn với bảo vệ môi trường, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; chú trọng phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

5. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên phát triển các cơ sở nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số. Thúc đẩy tiếp thu và chuyển giao khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

6. Lĩnh vực văn hóa – xã hội: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai phát triển toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao hơn nữa chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học, chất lượng giáo dục đại trà; lấy người học là trung tâm. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục. Phát triển đào tạo theo hướng đồng bộ, tập trung, tinh gọn, cơ cấu hợp lý cả về trình độ và ngành nghề đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và công tác dự phòng. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chế độ chính sách người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng: Phát triển mạng lưới giao thông hợp lý, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa các vùng. Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Quan tâm xây dựng hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp. Phát triển hệ thống lưới điện đồng bộ, bảo đảm kết nối với các nguồn điện mới. Đẩy mạnh số hóa hạ tầng số, phát triển mạng lưới di động băng rộng, ngầm hóa mạng cáp quang, phát triển các điểm truy cập internet không dây và internet công cộng. Sắp xếp, bố trí mạng lưới trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở phù hợp; sắp xếp mạng lưới cơ sở đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo nguồn nhân lực. Tập trung nâng

cấp bệnh viện đa khoa và các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh, các trung tâm y tế huyện; phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

8. Quốc phòng và an ninh: Xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ, vững mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống, làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Xây dựng thể trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thể trận quốc phòng toàn dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

IV. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

1. Phát triển vùng trọng điểm kinh tế và các trục hành lang động lực phát triển

(1) Một trục động lực: Trục kinh tế động lực dọc sông Hồng (*theo hướng Bắc - Nam, từ Bát Xát, đến Bảo Hà - Bảo Yên và Tân An - Văn Bàn*). Đây là trục dọc đóng vai trò “hạt nhân” đối với liên kết không gian phát triển cho Hai cực phát triển, Ba vùng kinh tế, kết nối vùng, liên vùng và cả nước với khu vực Tây Nam - Trung Quốc.

(2) Hai cực phát triển: Cực “Bắc” bao gồm toàn tuyến biên giới phía Bắc của tỉnh Lào Cai, tiếp giáp với Trung Quốc là nơi để giao thương, kết nối, phát triển và “định danh” tỉnh Lào Cai đối với cả nước và các quốc gia trong khu vực, thế giới; khu vực này đã trở thành một trong những trung tâm phát triển của tỉnh về phát triển kinh tế đối ngoại (cửa khẩu, du lịch, dịch vụ, thương mại, Logistics...); cực "Nam", bao gồm toàn bộ các huyện Bảo Yên, Văn Bàn, Bảo Thắng và khu vực phía Nam thành phố Lào Cai, đây là khu vực kết nối tỉnh Lào Cai với các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, khu kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với khu vực ASEAN, quốc tế thông qua hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

(3) Ba vùng kinh tế: Vùng thấp (các huyện Văn Bàn, Bảo Yên); vùng cao (các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, thị xã Sa Pa, phần phía Tây huyện Bát Xát); vùng trung tâm (thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng, phần hạ huyện Bát Xát theo dọc sông Hồng). Ba vùng kinh tế gắn với “trục động lực” dọc sông Hồng, đảm bảo mối liên kết, gắn kết và phát triển hài hòa về kinh tế, xã hội; đồng thời, phát huy được tiềm năng, lợi thế của các vùng trong tỉnh đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cân đối, cân bằng về lợi ích kinh tế, an sinh xã hội.

2. Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị tỉnh Lào Cai theo mô hình mạng lưới, xanh, thông minh và bền vững; Đầu tư hoàn thiện tiêu chí đô thị loại I đối với thành phố Lào Cai theo hướng đô thị thông minh và đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2025. Đến năm 2030, tỉnh Lào Cai có 13 đô thị gồm 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại III, 03 đô thị loại IV và 08 đô thị loại V. Tổ chức, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn gắn với các vùng sản xuất nông lâm nghiệp phù hợp quy

hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; đảm bảo bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

3. Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Tiếp tục phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai theo hướng khu hợp tác kinh tế xuyên biên giới vận hành theo mô hình hai khu riêng biệt có sự trao đổi, thỏa thuận về cơ chế. Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh định hướng hình thành 6 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.291 ha và 18 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 514,9 ha.

4. Phân bổ và khoanh vùng đất đai

Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất, đưa vào khai thác có hiệu quả đất chưa sử dụng, ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm gây hủy hoại môi trường.

V. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác sử dụng tài nguyên; phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học:

a) Bảo vệ môi trường: Phân vùng bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai thành 02 vùng, gồm: (1) Vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung đô thị nội thành, nội thị của thành phố Lào Cai; khu dân cư tập trung đô thị của thị xã Sa Pa; Vùng lõi của Vườn Quốc gia Hoàng Liên, Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên-Văn Bàn, Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát; Vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước và Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh. (2) Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của Vườn Quốc gia Hoàng Liên, Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên-Văn Bàn, Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát; Hành lang bảo vệ nguồn nước của các đập thủy điện, thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm cả nội thành, nội thị của các đô thị loại V hiện hữu và hình thành mới trong thời kỳ 2021-2030.

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; tăng cường công tác bảo tồn nguồn gene, quản lý tiếp cận nguồn gene, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gene; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kiểm soát các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.. Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực sông, khu vực hành lang biên giới; bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng; tối ưu hóa rừng sản xuất trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng rừng và đất lâm nghiệp, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người làm rừng.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên:

Duy trì khai thác, sản xuất các mỏ khoáng sản hiện đang hoạt động. Đưa vào

khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn. Khai thác gắn liền với chế biến sâu, phục hồi môi trường. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạn chế ô nhiễm môi trường khi khai thác. Ưu tiên thăm dò, khai thác, chế biến quy mô công nghiệp các điểm mỏ có trữ lượng lớn, nhằm cung cấp ổn định, lâu dài vật liệu xây dựng thông thường cho các vùng có nhu cầu lớn. Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản chưa khai thác, cấm khai thác cần bảo vệ với từng loại khoáng sản.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông. Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; khoanh định vùng hạn chế khai thác, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, hạn chế khai thác các tầng chứa nước có nguy cơ bị ô nhiễm, lượng khai thác không vượt qua ngưỡng giới hạn trữ lượng tiềm năng.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Tiến hành rà soát quy hoạch hệ thống kè sông, suối hiện có, đồng thời quy hoạch nâng cấp, sửa chữa, xây dựng bổ sung một số tuyến kè trọng yếu. Song song, quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn tỉnh. Thực hiện dự án di chuyển dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm do thiên tai, rừng đặc dụng và bố trí khu tái định cư để nhân dân phát triển sản xuất. Củng cố, nâng cấp hệ thống kè hiện có của sông Hồng, Nậm Thi, Lũng Pô, ... đảm bảo chống lũ thiết kế.

VI. Dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư

Danh mục dự án ưu tiên đầu tư được xác định, phân kỳ đầu tư làm cơ sở triển khai, huy động nguồn lực thực hiện. Theo đó, xác định 383 dự án, trong đó có 81 dự án thu hút nguồn vốn xã hội hóa. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 774.000 tỷ đồng, phân kỳ giai đoạn 2021-2025 khoảng 260 nghìn tỷ đồng và khoảng 514 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2026-2030.

VII. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

1. Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Phát triển nguồn nhân lực: Thực hiện các chương trình, dự án, đề án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh; tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề

ng nghiệp, doanh nghiệp trong đào tạo nghề nghiệp; triển khai đào tạo nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng; hỗ trợ đào tạo doanh nhân; tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Thực hiện phân công, phân cấp rõ chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các cấp, ngành, các địa phương; xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư bảo vệ môi trường; đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu xử lý chất thải.

4. Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách liên kết phát triển. Tích cực kết nối với các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong nước và nước ngoài để xúc tiến đầu tư, thương mại; tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

5. Tăng cường quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn. Kiểm soát chặt chẽ quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội; đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại.

6. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Thực hiện hiệu quả việc tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chính quyền điện tử; thực hiện công khai, minh bạch hóa thông tin, hoạt động quản lý, điều hành trên môi trường mạng; áp dụng các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền.

7. Tổ chức công bố, công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong các tổ chức chính trị, chính trị nghề nghiệp, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhân dân khi triển khai thực hiện. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về Quy hoạch theo hướng đồng bộ, chặt chẽ. Xây dựng các chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ, gắn với thời gian cụ thể; tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với Quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê

duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ tư (kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Các VP: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT: TU, HĐND, UBND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP: TU; Đoàn ĐBQH và HĐND; UBND tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Lào Cai; Đài PTTH; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Cường